

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ TỈNH ỦY LẦN THỨ BA

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

**về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại,
đẩy mạnh liên kết nội vùng, liên kết vùng, quốc gia**

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Giai đoạn 2021 - 2025, việc triển khai nhiệm vụ đột phá về phát triển hạ tầng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đã hoàn thành việc lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045, điều chỉnh Quy hoạch Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen đến năm 2045. Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư; đã thu hút đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp điện, huy động nguồn lực xã hội đầu tư nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời, điện gió, với sản lượng điện 5.170 triệu kWh. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông với nhiều tuyến đường, cầu và dự án nâng cấp tỉnh lộ¹, góp phần kết nối liên vùng và nội vùng, tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Hạ tầng thủy lợi, đề điều được đầu tư, nâng cấp. Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, khoa học, công nghệ được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển. Nhiều dự án trọng điểm về giao thông, chỉnh trang đô thị được đầu tư, góp phần từng bước hoàn thiện diện mạo đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại; việc phát triển các khu đô thị mới và nhà ở xã hội được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và thúc đẩy quá trình đô thị hóa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, đầu tư thiếu đồng bộ, chưa hiện đại, tính kết nối, liên kết nội vùng, liên kết vùng, quốc gia chưa cao; kết cấu hạ tầng khu vực phía Tây của

¹ Phối hợp thực hiện cơ bản hoàn thành dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn qua địa bàn tỉnh; Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cũ); Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; Cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (cũ) (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly, huyện Sa Thầy (cũ); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (đường Đồng Nai), thành phố Kon Tum (cũ); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (cũ) với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi (cũ); Đường tránh phía Tây thành phố Kon Tum (cũ); Đường Trường Chinh, thành phố Kon Tum (cũ);...

tỉnh còn yếu kém, chưa đồng bộ. Một số dự án, công trình quan trọng chậm hoàn thành. Tiến độ thực hiện đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp chậm. Hạ tầng giao thông, đô thị, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp thiếu đồng bộ, còn nhiều điểm nghẽn chưa được tháo gỡ; hạ tầng dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ logistics phát triển chậm; hạ tầng du lịch chưa có sự chuyển biến rõ nét; hạ tầng công trình ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu còn yếu kém; hệ thống cấp, thoát nước còn bất cập, chất lượng nước thấp, nhiều vùng chưa có nước sạch sử dụng. Việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng còn hạn chế nhất là trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường, thể thao; chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư phát triển nhà ở xã hội... chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau: Bối cảnh thế giới và trong nước diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; xung đột, biến động kinh tế, dịch bệnh, thiên tai và biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng. Hệ thống cơ chế, chính sách còn bất cập, chậm được sửa đổi. Nguồn lực đầu tư hạn chế, phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách nhà nước, thiếu cơ chế, chính sách đột phá thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Công tác tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc chưa chặt chẽ, còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu chưa đáp ứng yêu cầu; còn tâm lý e dè, sợ trách nhiệm, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư còn nhiều hạn chế, là một trong những nguyên nhân lớn nhất, gây chậm trễ tiến độ thực hiện dự án, tăng chi phí, ảnh hưởng chất lượng và tiềm ẩn các vấn đề xã hội.

II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại là nhiệm vụ đột phá, có tính nền tảng để cơ cấu lại không gian phát triển, thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng và quốc gia phù hợp với hệ thống hành chính mới và các quy hoạch ngành, lĩnh vực để phát triển nhanh và bền vững.

2. Phát triển hạ tầng giao thông đa phương thức theo hướng “đi trước mở đường”; đồng thời, đẩy mạnh phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và thích ứng biến đổi khí hậu; các dự án có tính lan tỏa cao, thật sự cần thiết, cấp bách, các công trình an sinh xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn... thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách vùng miền.

3. Tập trung đầu tư hoàn thiện các công trình, dự án có tính kết nối, liên kết chặt chẽ, đồng bộ giữa hạ tầng của tỉnh với hạ tầng các tỉnh trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và hạ tầng quốc gia; đầu tư, nâng cấp các tuyến đường huyết mạch, kết nối các địa phương trong tỉnh, khu kinh tế, nhất là các tuyến kết nối Đông - Tây của tỉnh. Quyết liệt tháo gỡ điểm nghẽn, xử lý dứt điểm các dự án chậm tiến độ để đưa vào khai thác, phát huy hiệu quả đầu tư.

4. Đổi mới mạnh mẽ tư duy từ quản lý sang quản trị, kiến tạo phát triển; có giải pháp đột phá, thiết thực, hiệu quả để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phân bổ nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và cân đối, hợp lý giữa các địa bàn, khu vực; ưu tiên cho hạ tầng chiến lược, có tính lan tỏa, có khả năng kết nối vùng, tạo động lực để phát triển, đáp ứng nhu cầu vận chuyển, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư; trong đó, nguồn lực từ ngân sách nhà nước tập trung ưu tiên đầu tư các công trình, dự án quan trọng, có sức lan tỏa, tạo đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng; đồng thời đóng vai trò dẫn dắt và kích hoạt nguồn vốn tư nhân, xã hội hóa tham gia đầu tư các công trình, dự án.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển đồng bộ, với một số công trình hiện đại, bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, thu hẹp khoảng cách vùng, miền và nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phấn đấu đến năm 2030, hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt nội tỉnh, liên vùng và quốc gia; đồng thời đưa Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Nhựa hóa, cứng hóa 100% tuyến đường xã.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%.
- Có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.
- Hoàn thành 8.356 căn hộ nhà ở xã hội theo chỉ tiêu Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/01/2026 của Chính Phủ. Tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá đạt 100%.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về phát triển hạ tầng giao thông

- Tập trung phát triển mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, tăng cường kết nối nội tỉnh, liên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và hệ thống quốc gia. Tập trung nguồn vốn ngân sách nhà nước để hoàn thiện các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 để sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện để hoàn thành các công trình trọng

điểm, dự án phát triển kinh tế - xã hội có tính lan tỏa tỉnh Quảng Ngãi: Tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum, Cầu Trà Khúc 1, Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; Nâng cấp, mở rộng đoạn Km23-Km29, Quốc lộ 24B; Cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại từ Km32 - Km89+513, Quốc lộ 24; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (các đoạn còn lại); Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh (ĐT.673, ĐT.675, ĐT.676,...); Đầu tư hạ tầng giao thông kết nối Khu kinh tế Dung Quất đến Cảng hàng không Chu Lai; công tác giải phóng mặt bằng dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh.

Kiến nghị, đề xuất Trung ương sớm hoàn thành Nút giao Dung Quất trên tuyến cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; sớm đầu tư tuyến cao tốc Ngọc Hồi - Kon Tum - Pleiku; đầu tư hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu quốc tế Bờ Y với cảng Dung Quất, cảng Nhơn Hội (Gia Lai); tuyến đường sắt kết nối vùng Tây Nguyên; tuyến nhánh đường sắt chuyên dụng kết nối Khu Kinh tế Dung Quất, cảng biển Dung Quất với đường sắt Bắc - Nam; định hướng bổ sung các tuyến đường sắt công cộng phục vụ phát triển đô thị đa chức năng (TOD); quan tâm đầu tư nâng cấp Quốc lộ 24C, Quốc lộ 40B, Quốc lộ 40, Quốc lộ 14C.

- Nghiên cứu phát triển cảng hàng không, sân bay tại đặc khu Lý Sơn, cảng hàng không Măng Đen khi đủ điều kiện. Nghiên cứu đề xuất đầu tư mới, đầu tư hoàn thiện một số tuyến giao thông huyết mạch, kết nối giữa các địa phương trong tỉnh, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và các tuyến đường liên tỉnh trong vùng. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên đặc khu Lý Sơn nhằm phát triển đặc khu Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển đảo.

- Phát triển hạ tầng logistics hiện đại; xây dựng mạng lưới logistics đa chiều, nâng tầm khu vực trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, du lịch dịch vụ chiến lược của Tây Nguyên, Duyên hải Trung Bộ và các nước tiểu vùng Mê Kông. Tiếp tục đầu tư để xây dựng các cảng biển trở thành điểm trung chuyển quốc tế gắn với Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch. Hình thành các trung tâm logistics kết hợp với các cảng, nhà ga nhằm tối ưu hóa vận tải hàng hóa, giảm chi phí logistics và tăng năng lực cạnh tranh của Vùng.

2. Về phát triển hạ tầng đô thị

- Phát triển đô thị gắn với đột phá về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan theo hướng sinh thái, văn minh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD). Hệ thống đô thị tỉnh Quảng Ngãi được định hướng phát triển theo mô hình đa cực, đa trung tâm, đa hành lang, phân bố từ vùng ven biển đến vùng cao nguyên, bảo đảm liên kết không gian và hỗ trợ lẫn nhau giữa các đô thị. Hai đô thị hạt nhân là đô thị trung tâm Quảng Ngãi và đô thị Kon Tum giữ vai trò dẫn dắt phát triển tại hai khu vực, kết hợp với các đô thị ven biển, miền núi và cửa khẩu hình thành mạng lưới đô thị toàn tỉnh. Toàn tỉnh có 09 đô thị trung tâm cấp tỉnh và các đô thị trung tâm tiểu vùng; phân đầu đưa một số xã đủ điều kiện lên phường (Lý Sơn, Bình Sơn, Vạn Tường, Tịnh Khê, Tư Nghĩa, Măng Đen, Bờ Y,...).

- Hình thành các đô thị sinh thái, thông minh dọc hai bên bờ sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, gắn kết giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển hiện đại; định hướng phát triển một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế như: Đông Nam Dung Quất, xã Măng Đen, phường Đức Phổ,... Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án khu dân cư, khu đô thị, tạo điểm nhấn phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh: Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi; Khu đô thị mới An Phú (Đảo Ngọc); Khu đô thị mới Đông Nam Dung Quất - phía Nam và Dự án Khu đô thị mới Đông Nam Dung Quất - phía Bắc; các Khu đô thị số 1, Khu đô thị số 4 và Khu đô thị số 5 xã Măng Đen,... Quan tâm đầu tư phát triển nhà ở xã hội, nhất là nhà ở dành cho công nhân, người có thu nhập thấp ở các đô thị.

- Đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị từng bước đồng bộ, hiện đại; đồng thời, dành quỹ đất cho giao thông theo quy định khi xây dựng các khu đô thị mới để cải thiện nhu cầu giao thông trong giai đoạn trước mắt và lâu dài. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện để hoàn thành các công trình: Nút giao thông bùng binh đầu cầu Đăk Bla và Công viên phía Bắc Đăk Bla; Công viên Thiên Bút và Công viên cây xanh Thạch Bích; quan tâm đầu tư công trình thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung như dự án Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc; chống ngập úng khu trung tâm thành phố Kon Tum (cũ),...

- Tập trung thu hút đầu tư các dự án nhà máy xử lý rác, chất thải tập trung với quy mô lớn (cấp quốc gia; liên tỉnh, vùng tỉnh; liên xã), áp dụng công nghệ hiện đại; các dự án xử lý nước thải đô thị; một số cơ sở hỏa táng theo quy hoạch được phê duyệt tại phường Trương Quang Trọng, xã Phổ Cường, đặc khu Lý Sơn và các địa phương khác khi đủ điều kiện.

- Quy hoạch phân bố dân cư phù hợp với phong tục, tập quán và các nét văn hóa đặc trưng của vùng miền và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn; tăng đầu tư ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

- Phát triển đô thị gắn chặt với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là tại khu vực biên giới, cửa khẩu và hải đảo. Ưu tiên đầu tư hạ tầng, ổn định dân cư tại các đô thị biên giới và cửa khẩu.

3. Về phát triển hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp

- Thúc đẩy hình thành Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại khu kinh tế Dung Quất, xây dựng chính sách ưu đãi đặc biệt để tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu, đa dạng hóa các ngành công nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành mạng lưới trung tâm công

nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước. Đẩy mạnh huy động đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, nhất là hệ thống giao thông kết nối và hệ thống xử lý chất thải.

- Hỗ trợ, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển công nghiệp của tỉnh như dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2; Nhà máy sản xuất ray thép và thép đặc biệt; Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP 2 Quảng Ngãi; Khu công nghiệp và sản xuất dược liệu tập trung Đăk Tô,...

- Phát triển hệ thống cụm công nghiệp gắn với các trục giao thông, hành lang kinh tế, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng - an ninh. Giữ nguyên các cụm công nghiệp đã được quy hoạch và đang hoạt động hiệu quả; bổ sung, phát triển các cụm công nghiệp tại những khu vực có thuận lợi về địa lý, gắn với vùng nguyên liệu, Từng bước di dời các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư vào trong các cụm công nghiệp tập trung. Quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp phía Tây Quảng Ngãi, vùng miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Đồng thời, tăng cường thu hút đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp mới trong quy hoạch.

- Đẩy mạnh kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, đặc biệt là các Khu công nghiệp² đang trong giai đoạn triển khai/chuẩn bị triển khai/kêu gọi đầu tư hạ tầng; các dự án xử lý nước thải, rác thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, bảo đảm giải quyết các bất cập trong xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh; đầu tư các dự án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân và các hạ tầng xã hội thiết yếu (nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, dịch vụ khám chữa bệnh,...) phục vụ đời sống của công nhân đang làm việc trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh.

4. Về phát triển hạ tầng thương mại

- Tiếp tục triển khai hình thành và phát triển Trung tâm logistics tại Khu kinh tế Dung Quất. Phát triển mới 01 Trung tâm hội chợ - triển lãm tại khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi và 01 Trung tâm thương mại (tối thiểu hạng III) tại trung tâm hành chính tỉnh. Khuyến khích, ưu tiên đầu tư cải tạo, nâng cấp các chợ hiện hữu. Khuyến khích đầu tư, hình thành một số chợ đầu mối tại các khu vực, địa phương phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho việc phân phối, lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Phương án phát triển hệ thống dự trữ xăng dầu, khí đốt quy mô dưới 5000m³ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, thời kỳ 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo an ninh năng lượng của tỉnh trong dài hạn, góp phần thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp - năng lượng trong thời gian tới; Quy hoạch phát triển mới kho chứa khí quy mô dưới 5.000m³, địa điểm tại Khu kinh tế Dung Quất.

² KCN nhẹ Bình Hòa - Bình Phước, Khu đô thị - Công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1), KCN VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1), KCN Phổ Phong.

- Triển khai, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi cho phát triển thương mại điện tử; phát triển, hoàn thiện hạ tầng thương mại điện tử; nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động phát triển thương mại điện tử, đấu tranh chống các hành vi gian lận thương mại, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại điện tử; phát triển các sản phẩm, giải pháp thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ mới hỗ trợ doanh nghiệp; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về thương mại điện tử; hợp tác về thương mại điện tử.

5. Về phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phát triển thủy lợi theo định hướng hiện đại hóa, tăng dần mức đảm bảo phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ,... đảm bảo an ninh lương thực và phục vụ sản xuất nông nghiệp, hàng hóa. Nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn nước sạch, an toàn cho người dân, cải thiện việc cung cấp nước đô thị, nông thôn. Bảo vệ, kiểm soát và ngăn chặn tình trạng gia tăng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước. Định hướng các giải pháp cải thiện, phục hồi các sông/đoạn sông đang bị ô nhiễm, đặc biệt là các đoạn sông chảy qua khu vực đô thị, các nguồn nước có vai trò quan trọng cho cấp nước sinh hoạt, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; thu hút đầu tư các dự án xử lý nước thải, rác thải, xử lý môi trường, cấp nước sạch, khu dân cư vùng nông thôn, ven biển, đảo.

- Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần các cảng cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Huy động nguồn lực đầu tư phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, nhất là hệ thống vũng neo đậu tàu thuyền, cảng biển; cơ sở bảo quản, chế biến hải sản.

- Củng cố, nâng cao mức đảm bảo phòng, chống lũ, ngập lụt cho các vùng, các lưu vực sông lớn; đề xuất giải pháp phòng, chống lũ, ngập lụt đảm bảo an toàn dân sinh, cơ sở hạ tầng và các hoạt động sản xuất phù hợp với đặc điểm lũ, lụt trên địa bàn tỉnh theo phương châm chủ động phòng, tránh và thích nghi với lũ để bảo vệ dân cư ở vùng hạ lưu các sông: Trà Bông, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Câu, Sê San, Đăk Bla; nạo vét lòng sông, cửa sông, cửa biển gắn với khai thông luồng lạch, bảo đảm thoát lũ, tạo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền neo đậu, khai thác thủy sản, cải thiện cảnh quan môi trường và kết hợp khai thác hiệu quả nguồn vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

6. Về phát triển hạ tầng năng lượng và mạng lưới cấp điện

- Phát triển nguồn và lưới điện của tỉnh phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Đề xuất phương án phát

triển hệ thống điện tinh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, bảo đảm cung cấp điện an toàn, liên tục, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên năng lượng.

- Tiếp tục thực hiện các dự án đã được quy hoạch trong thời kỳ trước và các dự án quy hoạch cấp quốc gia đã phê duyệt. Duy trì nguồn phát điện hiện có; đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió trên bờ và ngoài khơi, mặt trời, sinh khối, các nguồn thủy điện có kết hợp thủy lợi,...), năng lượng mới, năng lượng sạch (hydro, amoniac xanh,...) phù hợp, bảo đảm an toàn hệ thống; ưu tiên các dự án sạch, hiệu quả, phù hợp định hướng chuyển dịch năng lượng và cam kết giảm phát thải khí nhà kính. Đầu tư đồng bộ lưới điện đầu nối, trạm biến áp và đường dây truyền tải để khai thác tối đa công suất các nguồn năng lượng mới, nhất là năng lượng tái tạo.

7. Về phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo

- Đầu tư kiên cố hóa trường học, lớp học, nhà ở công vụ cho giáo viên, đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tại các xã biên giới, tổ chức các điểm trường nội trú, bán trú ở các xã biên giới. Huy động nguồn lực xã hội đầu tư Trường Đại học Phạm Văn Đồng (giai đoạn 2); hoàn thành Dự án xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học - trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền tỉnh Quảng Ngãi; nghiên cứu đầu tư xây dựng một số trường liên cấp ở các vùng khó khăn; khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề chất lượng cao; thành lập mới một số trường THPT ở một số địa phương sau sắp xếp,...

- Tiếp tục quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hiện có; nâng cấp, cải tạo, xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

8. Về phát triển kết cấu hạ tầng y tế

Xây dựng hệ thống hạ tầng y tế đồng bộ, hiện đại, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và năng lực y tế dự phòng; chú trọng đầu tư trang thiết bị, mở rộng cơ sở y tế và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Tập trung nâng cao hiệu quả y tế các tuyến, bảo đảm người dân, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa được tiếp cận thuận lợi với dịch vụ y tế. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, chủ động kiểm soát và ứng phó với các dịch bệnh.

Ưu tiên bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng mới và nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh, phát triển hệ thống y tế tuyến tỉnh, tuyến cơ sở và trạm y tế theo quy hoạch. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển y tế tư nhân, hình thành các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

9. Về phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch

- Huy động các nguồn lực trong xã hội để đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy địa bàn làm cơ sở, lấy người dân

làm trung tâm. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng Công viên Thiên Bút, Công viên cây xanh Thạch Bích, Bảo tàng và Thư viện tỉnh thành tổ hợp thiết chế văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Lập hồ sơ Di tích khảo cổ Văn hóa Sa Huỳnh trình UNESCO công nhận Di sản thế giới; đề nghị công nhận Ngục Kon Tum là Di tích cấp quốc gia đặc biệt. Tập trung bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa, di sản, di tích gắn với phát triển du lịch bền vững; đồng thời ưu tiên đầu tư các công trình văn hóa, thể thao tiêu biểu, phát triển thể dục thể thao quần chúng và thành tích cao.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch, xây dựng Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo, Măng Đen thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; chú trọng đầu tư hoàn thiện, đồng bộ kết cấu hạ tầng tại các khu du lịch trọng điểm như Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Lý Sơn, Măng Đen. Huy động nguồn lực đầu tư phát triển du lịch sinh thái ở núi Cà Đam, Núi Chúa, Gành Yến, suối nước nóng Thạch Bích, Bàu Sen, khu vực Măng Đen,... Hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đầu tư, đưa vào khai thác Khu văn hóa Thiên Mã; kêu gọi đầu tư Khu văn hóa Thiên Ấn. Tiếp tục hỗ trợ đầu tư đồng bộ các khu, điểm du lịch: Suối Chí, Bãi Dừa, suối nước nóng Nghĩa Thuận, thác Trắng,... Thúc đẩy sớm xây dựng, đưa vào khai thác các khu du lịch nghỉ dưỡng ở khu đô thị Vạn Tường, Bình Châu, Mỹ Khê, Mộ Đức, Sa Huỳnh, Lý Sơn, Măng Đen,...

10. Về phát triển hạ tầng thông tin, truyền thông, khoa học - công nghệ

- Xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ, hiện đại, an toàn, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu trên toàn xã hội; phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông băng rộng, phủ sóng 4G/5G và cáp quang đến khu đô thị, trung tâm xã, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch và vùng khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo; từng bước nâng cấp các điểm dịch vụ bưu chính tại các xã, phường và đặc khu Lý Sơn. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và nền tảng dữ liệu dùng chung; nền tảng phân tích dữ liệu và AI phục vụ điều hành thông minh. Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh đạt tiêu chuẩn Uptime TIER 3; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu tỉnh với Trung tâm dữ liệu quốc gia, nền tảng dữ liệu vùng. Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan hệ thống chính trị qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm Dữ liệu quốc gia (NDOP). Quy hoạch hệ thống máy chủ, hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu theo hướng tập trung về các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn của Quốc gia.

Phát triển khu công nghiệp công nghệ thông tin và logistics số gắn với Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế Cửa khẩu Bờ Y, cảng Dung Quất và các khu công nghiệp trọng điểm; thu hút các lĩnh vực điện tử, thiết bị thông minh, trung tâm dữ liệu, điều khiển thông minh, dịch vụ số, phục vụ tự động hóa trong công nghiệp, cảng biển và logistics.

- Xây dựng, nâng cấp đồng bộ hạ tầng khoa học và công nghệ theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, từng bước đưa Quảng Ngãi trở thành trung tâm khoa học và công nghệ của khu vực. Triển khai hiệu quả các chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đến năm 2030, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân

sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Phát triển tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

- Đầu tư, phát triển hạ tầng số và đẩy nhanh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp; hỗ trợ từng bước hình thành và phát triển doanh nghiệp số, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

11. Về phát triển hạ tầng quốc phòng, an ninh

Ngân sách nhà nước đầu tư các dự án đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật quốc phòng, an ninh từ tỉnh đến cơ sở, phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh.

12. Về nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng

- Công tác quy hoạch tiếp tục là nhiệm vụ then chốt, mang tính định hướng, là khung pháp lý quan trọng mở ra không gian phát triển của tỉnh. Quy hoạch phải bảo đảm tính khoa học, tích hợp, đồng bộ, công khai, minh bạch và khả thi, vừa đáp ứng mục tiêu trước mắt, vừa có tầm nhìn chiến lược dài hạn. Không để chồng chéo, cản trở phát triển, mà trở thành công cụ hiệu quả trong huy động nguồn lực, sử dụng hợp lý đất đai, phân kỳ đầu tư, phát huy lợi thế về vị trí, hạ tầng, tài nguyên, đồng thời khắc phục hạn chế, thu hẹp chênh lệch giữa các vùng trong tỉnh.

- Bảo đảm đầu tư xây dựng phù hợp quy hoạch; tinh giản thủ tục; kiểm soát chặt chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bảo vệ đất rừng; công khai, minh bạch đấu giá, đấu thầu dự án và kiểm soát đầu cơ. Đồng thời, xây dựng và thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách phát triển các đô thị trung tâm theo hướng hiện đại, thông minh, có vai trò dẫn dắt, lan tỏa và tăng cường liên kết vùng.

- Kiểm soát phát triển không gian đô thị; mở rộng ranh giới theo lộ trình phù hợp; di dời cơ sở gây ô nhiễm; phát triển đô thị gắn với hạ tầng và dịch vụ thiết yếu. Tăng cường quản lý, giám sát, bảo đảm xây dựng đồng bộ hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối hạ tầng chung của địa phương. Đồng thời, triển khai hiệu quả các chương trình phát triển đô thị thích ứng biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; đẩy mạnh cải tạo, chỉnh trang, tái thiết, nâng cấp và phát triển đô thị thông minh.

- Xây dựng kế hoạch hành động và thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các chương trình, đề án, kế hoạch 5 năm, hằng năm. Thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm.

13. Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hấp dẫn, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư phát triển hạ tầng, nhất là giao thông và đô thị. Đổi mới chính sách thu hút, ưu tiên các dự án quy mô lớn, có tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và triển khai chương trình xúc tiến đầu tư có chất lượng, trọng tâm, trọng điểm, tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp và liên kết vùng trong hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh thu hút FDI vào công nghiệp gắn với công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, phát triển xanh, bền vững; khuyến khích doanh nghiệp FDI hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo lao động và tăng cường liên kết, hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên thu hút dự án từ các đối tác truyền thống (Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ, châu Âu), thúc đẩy mở rộng đầu tư và thu hút nhà đầu tư mới tham gia chuỗi sản xuất. Đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư qua kênh ngoại giao, tổ chức tư vấn, doanh nghiệp hạ tầng khu công nghiệp để tổ chức các hội nghị, gặp gỡ kết nối để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư.

- Tập trung huy động nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030, xác định các công trình ưu tiên theo kế hoạch 5 năm và hằng năm để chủ động bố trí vốn đầu tư. Ưu tiên các dự án trọng điểm có tính kết nối, liên kết chặt chẽ, đồng bộ giữa hạ tầng của tỉnh với khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, hạ tầng quốc gia và liên kết các vùng trong tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, tránh đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí; bảo đảm giải ngân vốn đầu tư công hằng năm đúng kế hoạch.

14. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư kết cấu hạ tầng

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính; giảm tầng nấc trung gian, nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho doanh nghiệp.

- Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, nhất là về giải phóng mặt bằng, đất đai, hạ tầng, đầu tư xây dựng. Hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư và đưa vào hoạt động các dự án đã được chấp thuận chủ trương. Đồng thời, chủ động cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư nghiên cứu, tìm hiểu và triển khai các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, ban hành đầy đủ cơ chế, chính sách về đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư. Huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc triển khai các dự án, nhất là công trình trọng điểm, dự án có tính lan tỏa. Xác định công tác GPMB là nhiệm vụ trọng tâm, cần quyết tâm, quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện; chủ động

phối hợp tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhất là các điểm nghẽn. Đồng thời, triển khai đầu tư trước các khu tái định cư, phục vụ kịp thời nhu cầu tái định cư cho các dự án.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tiễn của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.

2. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nội dung Nghị quyết này thành các đề án, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch hành động với lộ trình, kết quả và phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân có liên quan; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch về tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến Chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Vụ Địa phương, VPTW Đảng (báo cáo),
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy MTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh,
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- VPTU: CVP, PCVP, P.TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Hồ Văn Niên